

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 09-6-2022
V/v tranh chấp về ly hôn,
tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tô Thị Thanh Tâm.

2. Ông Trương Công Định.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Long – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2022/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2022 về việc tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2022 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị D**, sinh năm 1990;

Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Chỗ ở hiện nay: Thôn Th xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1992;

Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

(Chị D ung, Anh H đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/3/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị D trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn H tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình vào ngày 29/08/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc tại gia đình nhà Anh H có địa chỉ tại thôn T, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình đến khoảng tháng 03/2015 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính cách không hòa hợp, kinh tế gia đình không ổn định, khó khăn và mâu thuẫn giữa mẹ chồng, con dâu nên vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, hay xảy ra mâu thuẫn. Đến đầu năm 2020 mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ chị ở huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Anh H và gia đình Anh H có đến nhà chị tìm nhưng không thiện chí mà chỉ đổ lỗi cho chị nên chị không về. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, gia đình hai bên có hòa giải cho vợ chồng nhưng cũng không có kết quả. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Chị và Anh H có 01 con chung là Nguyễn Bảo N, sinh ngày 03/6/2015. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu Anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung, không vay chung ai tài sản gì và không cho ai vay chung tài sản gì nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại văn bản trình bày ý kiến, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn, anh Nguyễn Văn H trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, đúng như chị D trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc tại nhà bố mẹ đẻ anh. Sau đó hai vợ chồng có đi xuất khẩu lao động được 03 năm thì vợ chồng về nước sinh sống. Do làm việc xa cách một thời gian dài, kinh tế khó khăn, vợ chồng chưa có tiếng nói chung nên có xảy ra mâu thuẫn. Anh và gia đình đã nhiều lần đến nhà chị D để tìm chị D về nhưng chị D kiên quyết không về chung sống cùng anh. Nay chị D có yêu cầu xin ly hôn với anh, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn có thể giải quyết, anh mong muốn vợ chồng có thể tiếp tục chung sống cùng nhau nên anh không nhất trí ly hôn với chị D ưng. Anh đề nghị Tòa án cho anh thêm thời gian để vợ chồng có cơ hội về đoàn tụ. Về con chung: Anh và chị D có 01 con chung như chị D trình bày. Con chung ở với anh từ nhỏ đến nay nên để ổn định việc sinh hoạt, học tập đề nghị Tòa án giao cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Anh có việc làm và thu nhập ổn định, có nhà của bố mẹ đẻ bố con anh ở và anh có bố mẹ đẻ phụ giúp trong việc nuôi con nên anh đủ điều kiện để trực tiếp

nuôi con. Về tài sản chung: Vợ chồng anh không có tài sản chung, không vay chung ai tài sản gì và không cho ai vay chung tài sản gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại Biên bản xác minh với Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố T thể hiện: Về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống như Anh H oàng, chị D trình bày. Sau khi kết hôn một thời gian thì vợ chồng đều đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài, khi về nước sinh sống tại nhà bố đẻ Anh H được một thời gian ngắn thì chị D bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị D ở. Gia đình anh H và anh H có đến nhà chị D tìm nhiều lần nhưng chị D không về. Gia đình cũng đã hòa giải nhiều lần cho vợ chồng nhưng cũng không thành. Đến nay chị D có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án hòa giải cho anh chị ấy nếu không đoàn tụ được thì giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: vợ chồng có 01 con chung như chị D ung, Anh H trình bày, con chung từ nhỏ đã ở cùng Anh H và bố mẹ Anh H. Anh H có đủ điều kiện nuôi con, có bố mẹ đẻ phụ giúp trong việc nuôi con nên ly hôn đề nghị Tòa án giao con chung cho anh H nuôi dưỡng.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:** Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ vào Điều 6, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị D được ly hôn Anh H. Ly hôn, giao cho Anh H trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Bảo N, sinh ngày 03/6/2015, chấp nhận sự tự nguyện của Anh H không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản: không đặt ra giải quyết. Án phí: Buộc chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và Tòa án có thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn, khởi kiện và có yêu cầu xin ly hôn, đề nghị giải quyết việc nuôi con chung do đó xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị D và Anh H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2020 đến nay, Anh H và gia đình đã nhiều lần tìm và hòa giải cho vợ chồng nhưng không thành. Xét thấy hôn nhân giữa chị D và Anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị D được ly hôn Anh H oàng.

[3] Về quan hệ con cái: Chị D và Anh H có 01 con chung là Nguyễn Bảo N, sinh ngày 03/6/2015. Xét thấy từ nhỏ đến nay cháu Ngọc chủ yếu ở ổn định với Anh H và bố mẹ Anh H oàng, Anh H có đủ điều kiện nuôi con, có nhà của bố mẹ để ở, có bố mẹ đẻ phụ giúp trong việc nuôi con nên cần giao cháu Ngọc cho Anh H trực tiếp nuôi dưỡng để ổn định cuộc sống của cháu N. Chấp nhận sự tự nguyện của Anh H không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về quan hệ tài sản và nợ chung: Chị D và anh H đều trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không nợ chung ai và không cho ai vay chung tài sản gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị D phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ vào Điều 6, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị D được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

[2]. Về quan hệ con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Bảo N, sinh ngày 03/6/2015. Chấp nhận sự tự nguyện của Anh H không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Chị Phạm Thị D có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Chị Phạm Thị D và anh Nguyễn Văn H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[3]. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Phạm Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0000552 ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; chị Phạm Thị D đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị D và anh Nguyễn Văn H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 09-6-2022.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình; (Giấy chứng nhận kết hôn số: x ngày 29/8/2014)
- Chi cục THADS thành phố Thái Bình;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương